CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP May Hữu Nghị

Ngày 30/06/2025	23,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.3%	**-4.3%**	**5.5%**

DT thuần *Q2/25*
359 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 168| 87.8%
YoY: ▼34.0| -8.7%

LN thuần *Q2/25*
19.6 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 7.30| 59.1%
YoY: ▼1.80| -8.5%

LN sau thuế *Q2/25*
15.6 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▲ 5.69| 57.1%
YoY: ▼1.10| -6.8%

Tỷ suất lãi EBIT *Q2/25*
5.5%
YoY: +/-▼ 1.0%

ROE (TTM) *Q2/25*
18.5%
YoY: +/-▲ 1.0%

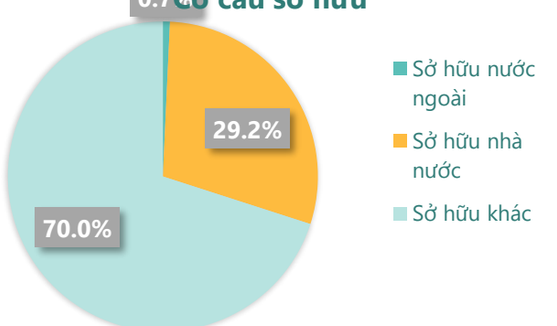
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	20,000 - 26,038
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	556
Số lượng CPLH (CP)	23,777,800
KLGD BQ 20 phiên (CP)	625
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.27
EPS	3,341
P/E	7.0

DT thuần *6T 2025*
550 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼23.0| -4.1%

LN thuần *6T 2025*
31.9 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼0.80| -2.4%

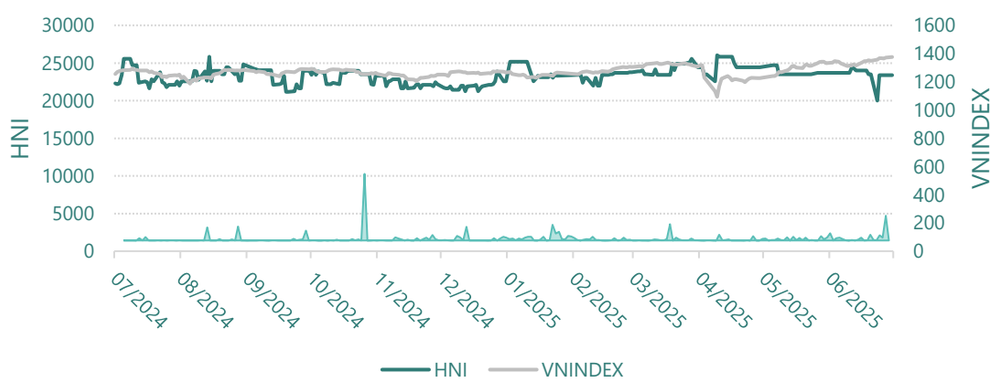
LN sau thuế *6T 2025*
25.5 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼0.30| -1.2%

Cơ cấu sở hữu

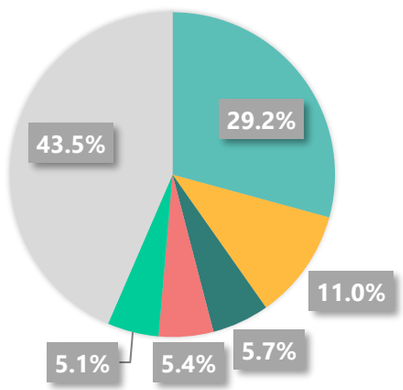


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



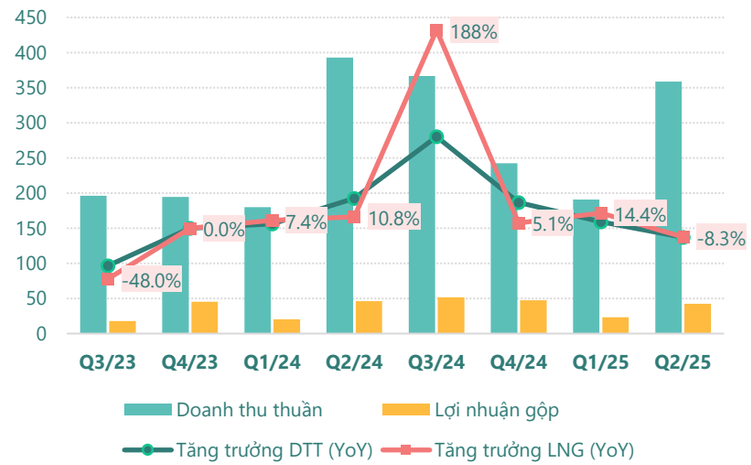
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

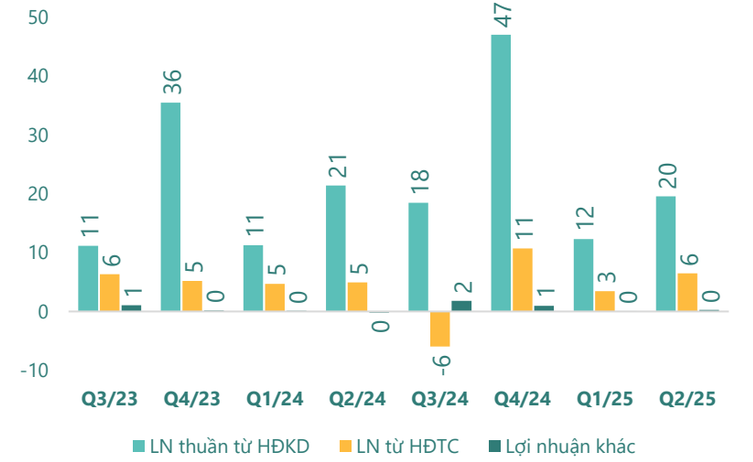
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



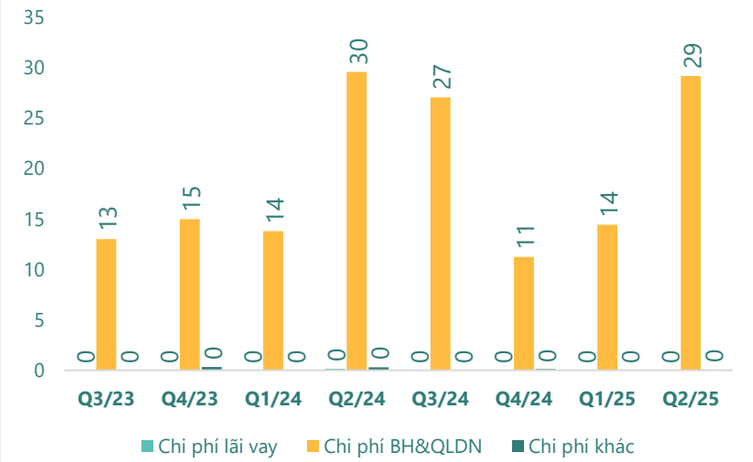
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



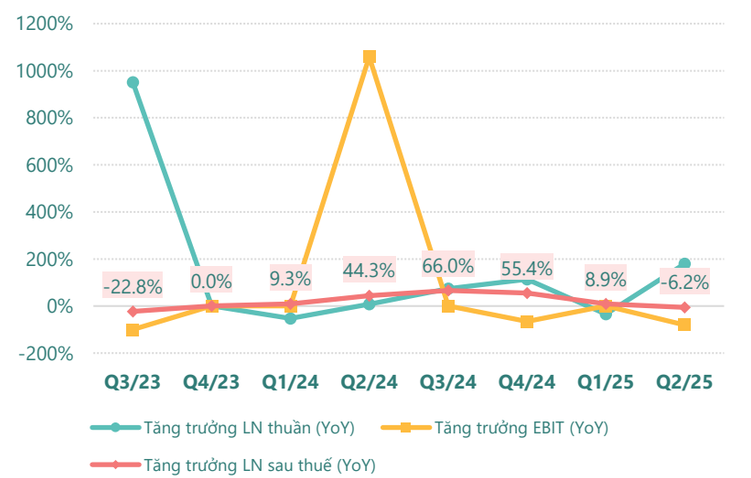
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



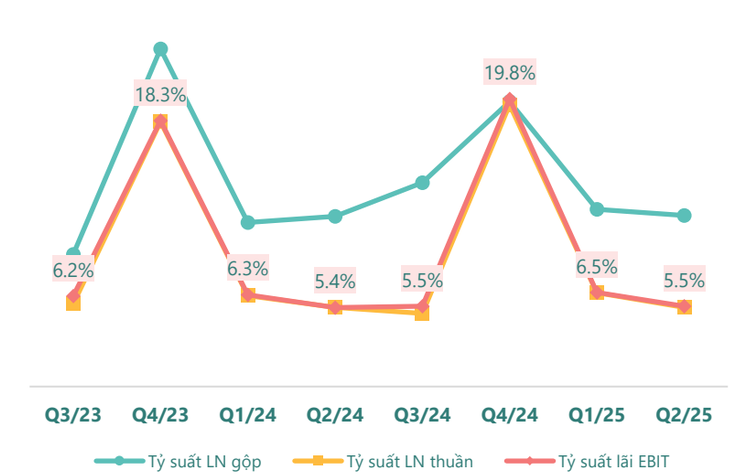
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



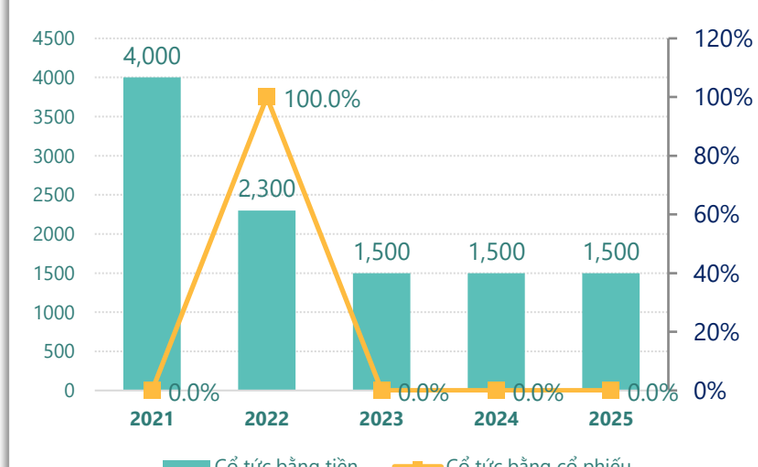
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

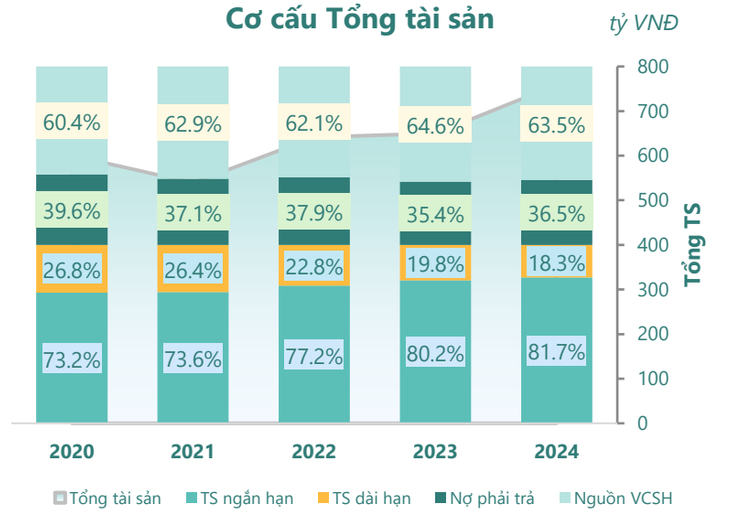
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

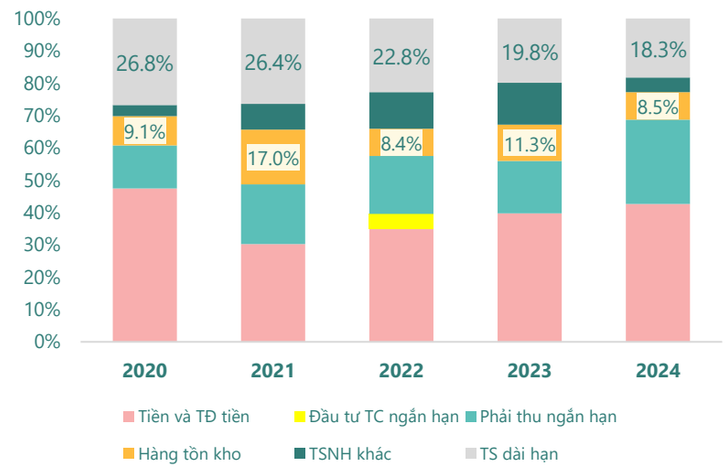
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



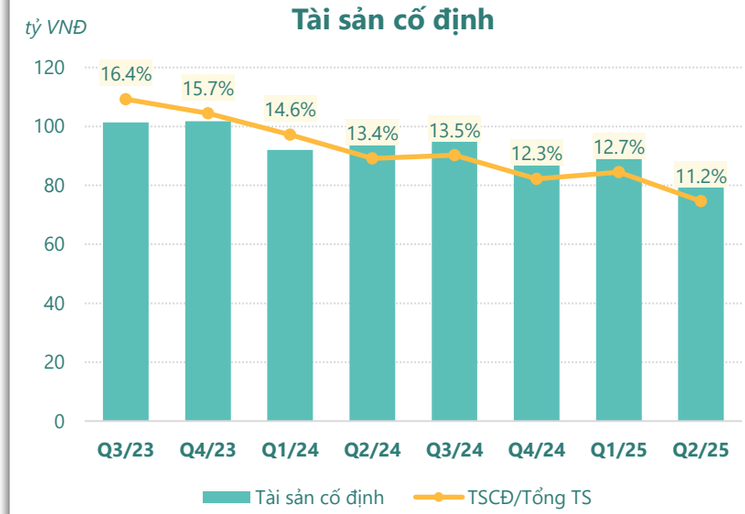
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



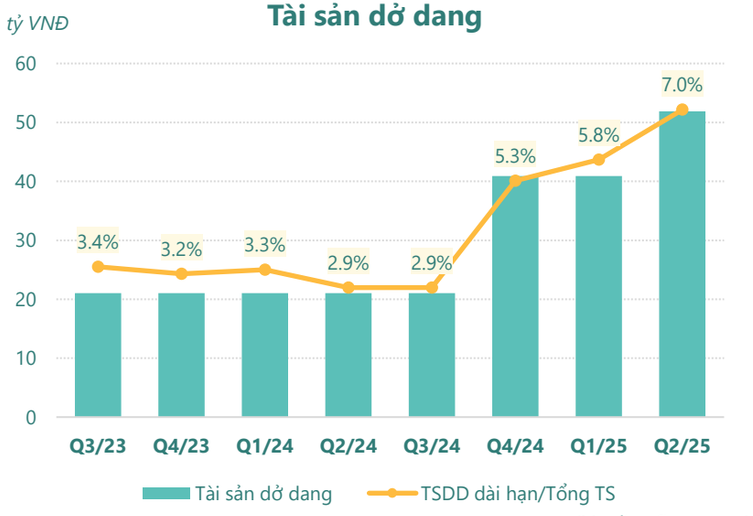
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



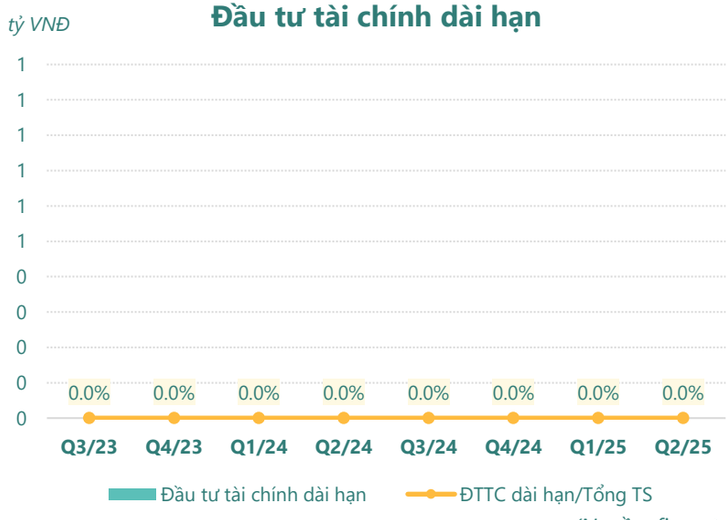
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



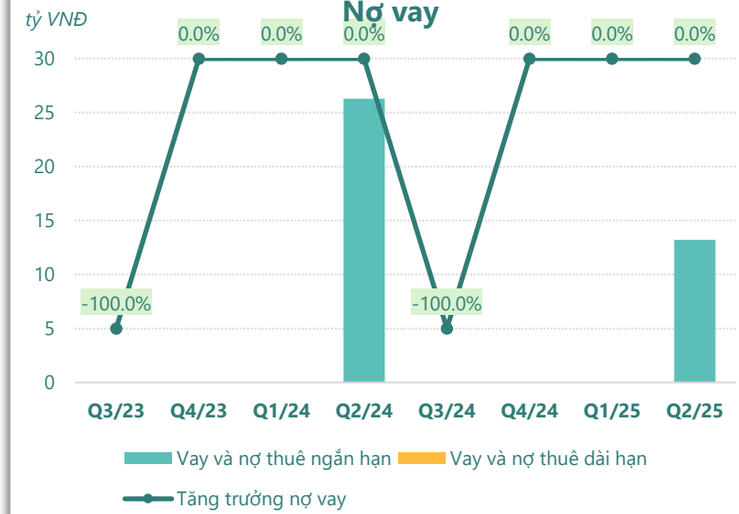
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

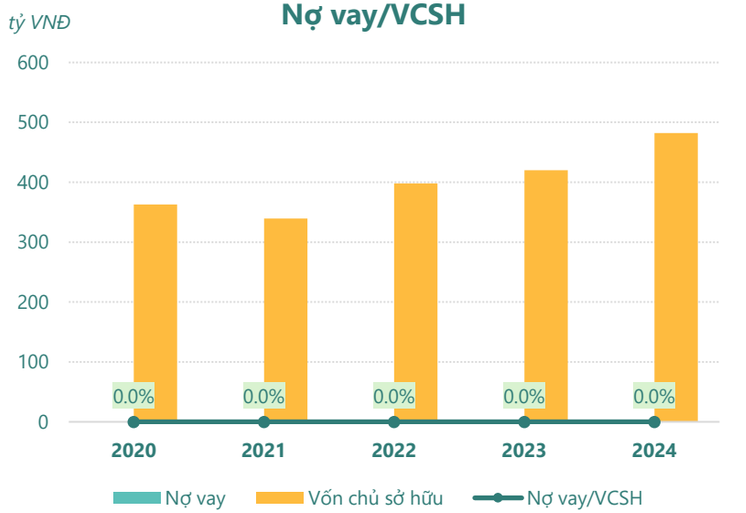
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

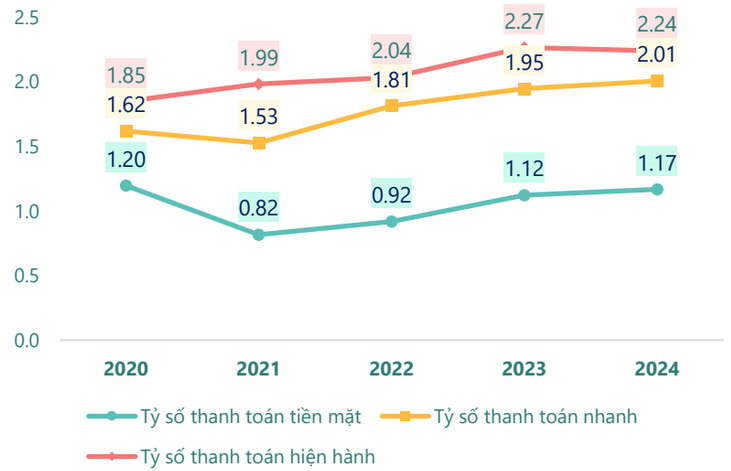
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



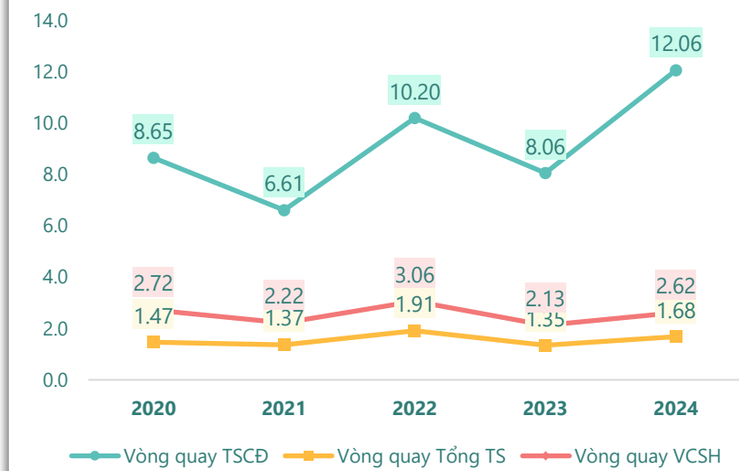
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



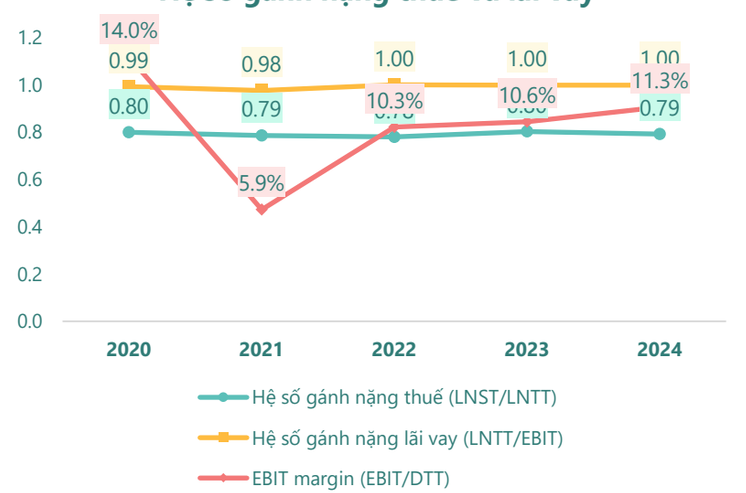
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



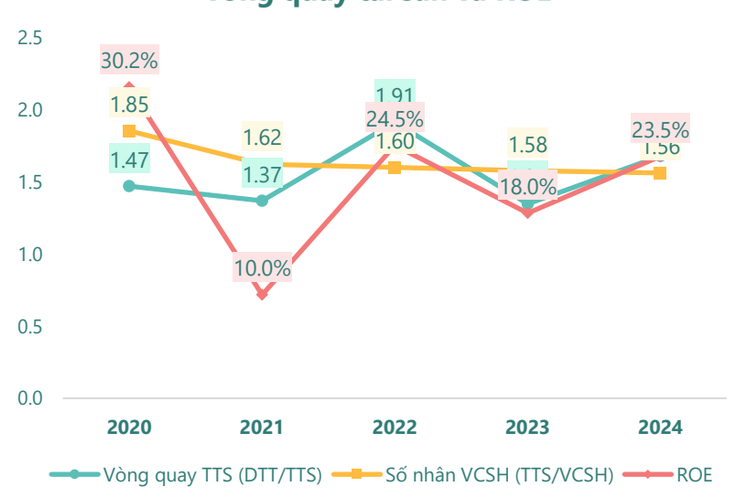
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



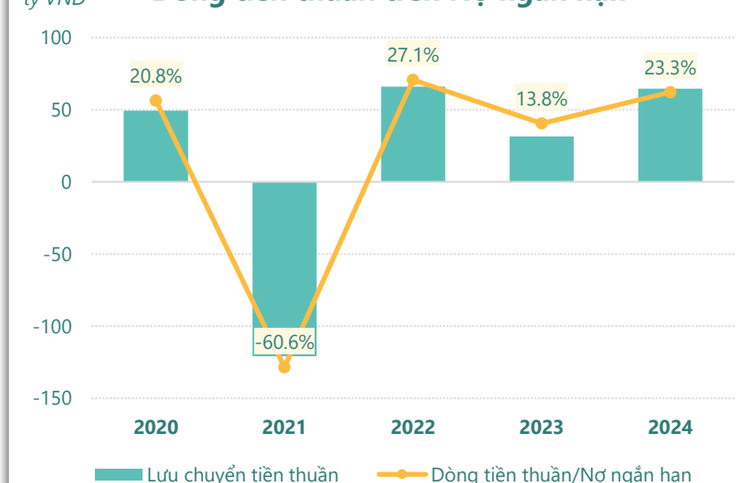
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**359**	**393**	**-8.7%**	**550**	**573**	**-4.1%**
Giá vốn hàng bán	316	347	-8.8%	484	507	-4.5%
Lợi nhuận gộp	42.3	46.1	-8.3%	65.6	66.5	-1.3%
Doanh thu HĐTC	7.40	7.23	2.3%	11.5	12.8	-10.2%
Chi phí TC	0.93	2.30	-59.7%	1.54	3.16	-51.2%
Chi phí lãi vay	0.00	0.14	-99.3%	0.00	0.14	-99.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.61	5.66	-18.6%	7.37	8.73	-15.5%
Chi phí QLDN	**24.6**	**23.9**	**2.8%**	**36.3**	**34.7**	**4.5%**
LN thuần từ HĐKD	19.6	21.4	-8.5%	31.9	32.7	-2.4%
Lợi nhuận khác	**0.27**	**-0.18**	**250%**	**0.32**	**-0.07**	**542%**
LN trước thuế	19.8	21.2	-6.4%	32.2	32.6	-1.2%
Lợi nhuận sau thuế	**15.6**	**16.7**	**-6.8%**	**25.5**	**25.8**	**-1.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**15.6**	**16.7**	**-6.8%**	**25.5**	**25.8**	**-1.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-51.5	118	121	-84.1	-36.8	-114
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.45	-5.11	-60.7	52.7	1.10	-10.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-9.38	-26.3	0	0	-22.4
Tiền đầu kỳ	258	210	311	349	323	288
Lưu chuyển tiền thuần	**-51.1**	**104**	**33.6**	**-31.4**	**-35.7**	**-147**
Ảnh hưởng tỷ giá	2.98	-2.80	5.01	5.55	0	0.32
Tiền cuối kỳ	210	311	349	323	288	141

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**746**	**759**	**-1.7%**
Tài sản ngắn hạn	610	620	-1.6%
Tiền và tương đương tiền	141	323	-56.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	344	198	74.1%
Hàng tồn kho	79.4	64.7	22.7%
Tài sản ngắn hạn khác	45.7	34.4	32.9%
Tài sản dài hạn	**136**	**139**	**-2.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	83.5	94.3	-11.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	51.9	40.9	26.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.42**	**3.44**	**-87.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	287	277	3.7%
Nợ ngắn hạn	**287**	**277**	**3.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	13.2	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	31.4	38.8	-18.9%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**459**	**482**	**-4.8%**
Vốn chủ sở hữu	**459**	**482**	**-4.8%**
Vốn điều lệ	238	238	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)